

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TỈNH QUẢNG NGÃI

Mục tiêu

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Trình bày được vai trò của công nghiệp đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Ngãi.
- Nêu được cơ cấu ngành công nghiệp; sản phẩm chủ lực của ngành công nghiệp; đặc điểm Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp của tỉnh Quảng Ngãi.



MỞ ĐẦU

Quảng Ngãi là một tỉnh thuộc Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, có lợi thế về vị trí địa lý, khí hậu, tài nguyên đa dạng phong phú, nguồn nhân lực dồi dào nên có nhiều tiềm năng, thế mạnh để phát triển kinh tế, nhất là công nghiệp.



Hình 3.1. Nhà máy lọc dầu Dung Quất



1. Vai trò của công nghiệp đối với sự phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ngãi

Công nghiệp là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội. Năm 2022, tỉ trọng ngành công nghiệp – xây dựng chiếm trên 43,6% trong cơ cấu GRDP của tỉnh. Giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt trên 129 nghìn tỉ đồng, tăng 6,9% so với năm 2021.

Phát triển công nghiệp đã khai thác được lợi thế về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, thu hút đầu tư; đóng góp quan trọng, chủ lực vào sự tăng trưởng và quy mô kinh tế của tỉnh; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, ngày càng đạt trình độ và chất lượng cao.

Công nghiệp là lĩnh vực đột phá trong phát triển kinh tế của tỉnh, tạo ra khối lượng lớn vật chất là hàng hoá tiêu dùng, công cụ lao động và tư liệu sản xuất cho các ngành kinh tế, tăng năng suất lao động xã hội; tạo ra các sản phẩm xuất khẩu chất lượng cao, từng bước thúc đẩy sự phát triển của nhiều ngành kinh tế như nông nghiệp, giao thông vận tải, thương mại, du lịch và củng cố quốc phòng, an ninh.

Công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi đã và đang góp phần mở rộng sản xuất, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động trong tỉnh.



Dựa vào thông tin ở mục 1, trình bày khái quát vai trò của công nghiệp đối với sự phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ngãi.

2. Cơ cấu ngành công nghiệp

Cơ cấu ngành công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi tương đối đa dạng, gồm bốn nhóm ngành: nhóm ngành chế biến, chế tạo; nhóm ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước; nhóm ngành khai khoáng; nhóm ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải. Trong đó, nhóm ngành chế biến, chế tạo đạt tỉ trọng rất cao, nhóm ngành khai khoáng chiếm tỉ trọng thấp, đã cho thấy công nghiệp của tỉnh phát triển đúng định hướng.

Bảng 3.1. Giá trị sản xuất và tỉ trọng công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi, năm 2021

Lĩnh vực	Giá trị sản xuất (tỉ đồng)	Tỉ trọng (%)
Toàn ngành công nghiệp	120 893,2	100
Nhóm ngành khai khoáng	373,8	0,31
Nhóm ngành chế biến, chế tạo	119 631,0	98,95
Nhóm ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước	660,4	0,55
Nhóm ngành cung cấp nước, hoạt động quản lí và xử lí rác thải	227,9	0,19

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi, năm 2021)

Trong cơ cấu ngành công nghiệp hiện nay đang nổi lên một số ngành công nghiệp phụ trợ, đó là các ngành sản xuất nguyên liệu, vật liệu, linh kiện và phụ tùng để cung cấp cho sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh trong các lĩnh vực như: cơ khí, chế tạo (sản xuất kim loại, sản xuất các sản phẩm từ kim loại, sản xuất máy móc, thiết bị, sản xuất phụ tùng cho ngành công nghiệp ô tô, xe máy,...); dệt may, da giày (sản xuất sợi, phụ kiện ngành may, thuộc da, đế giày,...); điện tử – tin học (sản xuất linh kiện điện tử, sản xuất các thiết bị dẫn điện,...)



Dựa vào thông tin ở mục 2 và bảng 3.1, hãy:

- Trình bày cơ cấu ngành công nghiệp của tỉnh Quảng Ngãi.
- Cho biết ngành công nghiệp phụ trợ là gì? Trình bày một số ngành công nghiệp phụ trợ trong các lĩnh vực của tỉnh Quảng Ngãi.

3. Sản phẩm chủ lực của ngành công nghiệp

Sản phẩm công nghiệp của tỉnh Quảng Ngãi khá đa dạng. Các sản phẩm chủ lực của ngành công nghiệp không ngừng tăng nhanh và đạt giá trị cao.

Bảng 3.2. Một số sản phẩm chủ lực của ngành công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi, năm 2021

Sản phẩm	Đơn vị tính	Sản lượng
Lọc dầu	Tấn	6 373 243
Thép xây dựng	Nghìn tấn	5 479
Thuỷ sản chế biến	Tấn	10 672
Bánh kẹo các loại	Tấn	11 500
Sữa các loại (trên địa bàn tỉnh)	Nghìn lít	83 000
Bia	Nghìn lít	159 241
Nước khoáng và nước tinh khiết	Nghìn lít	95 000
Phân bón hoá học	Tấn	29 000
Gạch xây các loại	Nghìn viên	410 000
Đá khai thác các loại	Nghìn m ³	1 395
Tinh bột mì (trên địa bàn tỉnh)	Tấn	55 000
Quần áo may sẵn	Nghìn chiếc	11 600
Điện thương phẩm	Triệu kwh	2 000
Nước máy	Nghìn m ³	16 000
Dăm bột giấy	Tấn	1 120 000
Giày các loại	Nghìn đôi	13 000

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi, năm 2021)



Dựa vào thông tin ở mục 3 và bảng 3.2, sắp xếp các sản phẩm chủ lực của công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi theo cơ cấu ngành công nghiệp và theo lĩnh vực ngành công nghiệp phụ trợ.

Em có biết?

Nhà máy lọc dầu Dung Quất cùng các tổ hợp hoá dầu hoạt động theo chu trình khép kín từ khâu lọc dầu đến khâu chế biến sâu theo các công nghệ hoá dầu. Hiện tại, Nhà máy lọc dầu Dung Quất đang có kế hoạch thực hiện đầu tư mở rộng nâng công suất lọc dầu và hoá dầu từ dầu mỏ. Vận hành và bảo dưỡng cho các công trình dầu khí; dịch vụ đào tạo, cung ứng nhân lực cho công tác quản lý điều hành, lắp đặt, vận hành và bảo dưỡng nhà máy lọc, hoá dầu; cung cấp vật tư phụ tùng, dịch vụ kho ngoại quan, dịch vụ vận tải dầu thô – dầu, hoá dầu sản phẩm, dịch vụ nhập khẩu uỷ thác, dịch vụ tài chính, bảo hiểm,... Phát triển các tổng kho, hệ thống kho tồn trữ, trung chuyển, phân phối các sản phẩm lọc dầu và hoá dầu; các trạm nạp khí hoá lỏng, các trạm dịch vụ xăng dầu; dịch vụ kĩ thuật công nghệ và cơ khí chế tạo trong công nghiệp lọc, hoá dầu khí và đây về thực chất cũng là lĩnh vực công nghiệp phụ trợ cho ngành lọc, hoá dầu.

(Nguồn: Quyết định số 2125/QĐ-UBND: Đề án tái cơ cấu ngành công nghiệp Quảng Ngãi đến năm 2030 và tầm nhìn 2045).

4. Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp của tỉnh Quảng Ngãi

a) Khu kinh tế Dung Quất^(*)

Khu kinh tế Dung Quất được định hướng phát triển thành một trong những trung tâm kinh tế biển năng động, với nền kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực quan trọng của quốc gia; lấy cảnh quan đô thị biển làm sức hấp dẫn, lấy nền tảng cơ sở hạ tầng phát triển để đẩy mạnh kinh tế biển, hướng đến sự thịnh vượng.

Khu kinh tế Dung Quất là khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực bao gồm: công nghiệp – thương mại – dịch vụ – du lịch – đô thị và nông – lâm – thủy sản. Trong đó, trọng tâm là công nghiệp lọc hoá dầu, công nghiệp hoá chất và công nghiệp nặng với các ngành chủ đạo: luyện cán thép, đóng tàu biển và các ngành công nghiệp khác gắn với việc khai thác cảng nước sâu. Đây cũng là khu vực phát triển đô thị; trung tâm lọc hoá dầu và năng lượng quốc gia; trung tâm công nghiệp, dịch vụ, du lịch của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghiệp – đô thị – dịch vụ trong Khu kinh tế Dung Quất có tổng diện tích khoảng 8 040 ha. Cụ thể:

– Khu công nghiệp Tây Dung Quất: khoảng 355 ha, với tính chất là phát triển đô thị dịch vụ, du lịch sinh thái gắn với dịch vụ hậu cần sân bay; phát triển nhà máy điện khí, phát triển công nghiệp công nghệ cao; công nghiệp nhẹ, công nghiệp hỗ trợ ngành hàng không; công nghiệp chế biến gỗ và vật liệu xây dựng; gắn với trung tâm

^(*) Nguồn: Quyết định 168/QĐ-TTg, ngày 28/2/2023.

logistics và dịch vụ hậu cần sân bay Chu Lai.

- Khu công nghiệp Đông Dung Quất: khoảng 2 205 ha, với tính chất là phát triển các ngành công nghiệp nặng và năng lượng như: dầu khí, luyện cán thép, đóng tàu; công nghiệp hỗ trợ; trung tâm dịch vụ hậu cần, kho bãi gần với cảng biển Dung Quất.

- Khu công nghiệp Bình Hoà – Bình Phước I: khoảng 610 ha, với tính chất là phát triển công nghiệp nhẹ, công nghiệp phụ trợ.

- Khu công nghiệp Bình Hoà – Bình Phước II: khoảng 305 ha, với tính chất là phát triển công nghiệp nhẹ, công nghiệp phụ trợ.

- Khu công nghiệp Tịnh Phong: khoảng 138 ha. Ngành nghề thu hút đầu tư là cơ khí, vật liệu xây dựng, đồ gỗ xuất khẩu, điện tử, da giày, dệt may, vật liệu tổng hợp, các ngành công nghiệp phụ trợ.

- Khu công nghiệp VSIP: khoảng 582 ha. Ngành nghề thu hút đầu tư là thiết bị y tế, thực phẩm – nước giải khát, đồ nội ngoại thất, dịch vụ, may mặc, giày da, lắp ráp linh kiện điện tử và các ngành công nghiệp hỗ trợ.

- Khu công nghiệp – đô thị – dịch vụ Dung Quất I: khoảng 165 ha, với tính chất là khu vực phát triển đô thị, du lịch, dịch vụ phía Đông của đô thị Bình Sơn; trung tâm hành chính dịch vụ, nghiên cứu đào tạo của Khu kinh tế Dung Quất; đầu mối dịch vụ hạ tầng giao thông quan trọng phía Nam của Khu kinh tế Dung Quất gần với bến cảng Sa Kỳ.

- Khu công nghiệp – đô thị – dịch vụ Dung Quất II: khoảng 1 085 ha, với tính chất là phát triển công nghiệp theo mô hình khu công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp xanh, công nghiệp sinh thái gần với đô thị – dịch vụ phục vụ khu công nghiệp.

- Khu công nghiệp – đô thị – dịch vụ Bình Thanh: khoảng 2 500 ha, với tính chất là phát triển công nghiệp – đô thị – dịch vụ; phát triển công nghiệp đa ngành, công nghiệp công nghệ cao, thân thiện môi trường; gần với khu đô thị – dịch vụ hỗ trợ.

- Các cụm công nghiệp:

- + Cụm công nghiệp Tịnh Phong: khoảng 75 ha.

- + Cụm công nghiệp Bình Nguyên: khoảng 20 ha.



Hình 3.2. Khu Công nghiệp Tịnh Phong



Dựa vào thông tin ở mục 4a, cho biết các ngành nghề thu hút đầu tư ở một số khu công nghiệp của tỉnh Quảng Ngãi.

b) Các khu công nghiệp khác

– Khu công nghiệp Quảng Phú (phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi), khoảng 146,76 ha, với tính chất là phát triển công nghiệp chế biến thực phẩm, sản xuất bao bì, thủy sản, sản xuất dầu ăn, bia – rượu, nước giải khát, đường, bánh kẹo, các loại sản phẩm sau đường,... và các ngành công nghiệp phụ trợ.

– Khu công nghiệp Phổ Phong (xã Phổ Phong, thị xã Đức Phổ), khoảng 157,38 ha, với tính chất là phát triển sản xuất vật liệu xây dựng; may mặc; công nghiệp hỗ trợ; các ngành công nghiệp chế biến sử dụng nguồn nguyên liệu địa phương như chế biến nông, lâm, thủy sản; công nghiệp nhẹ ít gây ô nhiễm môi trường.

c) Cụm công nghiệp

Tính đến năm 2022, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có 23 cụm công nghiệp đã được hình thành và đi vào hoạt động.



Hình 3.3. Cụm Công nghiệp La Hà (huyện Tư Nghĩa)

Hoạt động của các cụm công nghiệp đã thúc đẩy phát triển công nghiệp ở địa bàn nông thôn, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, khai thác tiềm năng, thế mạnh ở địa phương, giải quyết việc làm cho lao động tại chỗ, tạo nguồn thu tương đối cho ngân sách và góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các huyện, thị xã, thành phố theo hướng tăng tỉ trọng công nghiệp, dịch vụ,...

Các ngành nghề sản xuất chính tại các cụm công nghiệp bao gồm: sản xuất dăm gỗ nguyên liệu giấy; chế biến gỗ; dệt may; sản xuất gạch ngói không nung, nha glucose công nghiệp, phân bón NPK, phân vi sinh; đóng mới và sửa chữa tàu thuyền; sản xuất tấm lợp fibrocement, giấy cuộn kraft các loại, dừa tre tiện dụng, bánh tráng, tinh dầu trầm hương, chế biến muối tinh và muối iốt; sản xuất thùng xốp EPS;...

Bảng 3.3. Các cụm công nghiệp của tỉnh Quảng Ngãi, năm 2022

TT	Cụm công nghiệp	Phân bố
1	La Hà	Huyện Tư Nghĩa
2	Bình Nguyên	Huyện Bình Sơn
3	Thạch Trụ	Huyện Mộ Đức
4	Quán Lát	Huyện Mộ Đức
5	Đồng Dinh	Huyện Nghĩa Hành
6	Thị trấn Ba Tơ	Huyện Ba Tơ
7	Sa Huỳnh	Thị xã Đức Phổ
8	Phổ Phong	Thị xã Đức Phổ
9	An Hải	Huyện Lý Sơn
10	Sơn Hạ	Huyện Sơn Hà
11	Bình Long	Huyện Bình Sơn
12	Long Mai	Huyện Minh Long
13	Thạch Bích	Huyện Trà Bồng
14	Tịnh Ấn Tây	Thành phố Quảng Ngãi
15	Tịnh Bắc	Huyện Sơn Tịnh
16	Ba Động	Huyện Ba Tơ
17	Thị trấn Mộ Đức	Huyện Mộ Đức
18	Hành Đức – Hành Minh	Huyện Nghĩa Hành
19	An Sơn – Đức Lân	Huyện Mộ Đức
20	Đồng Làng	Thị xã Đức Phổ
21	Trương Quang Trọng	Thành phố Quảng Ngãi
22	Phổ Hoà	Thị xã Đức Phổ
23	Trị trấn Trà Xuân	Huyện Trà Bồng



Dựa vào thông tin ở mục 4b, hãy:

- Trình bày vai trò của cụm công nghiệp đối với các địa phương tỉnh Quảng Ngãi.
- Cho biết các ngành nghề sản xuất chính tại các cụm công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi.



LUYỆN TẬP

Cho bảng số liệu sau:

Bảng 3.4. Giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp và tỉ trọng sản xuất ngành lọc hoá dầu trong toàn ngành công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2010 – 2021

Năm	2010	2015	2019	2021
Giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp (tỉ đồng)	82 217	106 773	126 145	120 893
Tỉ trọng sản xuất ngành lọc hoá dầu trong toàn ngành công nghiệp (%)	91,39	83,04	72,10	58,32

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi, năm 2021)

- Vẽ biểu đồ kết hợp (cột và đường) thể hiện sự thay đổi giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp và tỉ trọng sản xuất ngành lọc hoá dầu trong toàn ngành công nghiệp của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2010 – 2021.
- Nhận xét sự thay đổi giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp và tỉ trọng sản xuất ngành lọc hoá dầu trong toàn ngành công nghiệp của tỉnh Quảng Ngãi qua các năm.



VẬN DỤNG

Sưu tầm thông tin, hình ảnh về hoạt động của một ngành công nghiệp hoặc một cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.